



CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI TỈNH BẠC LIÊU

Nguyễn Minh Tân¹, Võ Thành Danh² và Tăng Thị Ngân¹

¹ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ

² Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 17/12/2014

Ngày chấp nhận: 08/06/2015

Title:

Factors affecting the effectiveness of SME'S business performance in Bac Lieu Province

Từ khóa:

Hiệu quả hoạt động, doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhân tố

Keywords:

Performance, small and medium sized enterprises, factors

ABSTRACT

This study aimed to determine the factors that affect to the performance of small and medium sized enterprises (SMEs) in Bac Lieu province. The data of this research was collected from 113 SMEs. Descriptive analysis and regression analysis were used to analyse the performance of SMEs and the factors affecting to the SMEs' performance in Bac Lieu province. The results of this study showed that the performance of SMEs in Bac Lieu province was formed on the basis of a correlation with the components such as access to governmental supporting policies, years in schooling of businessmen, gender, scale of company, education, social relations, firm age, and type of business.

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tại tỉnh Bạc Liêu. Số liệu trong nghiên cứu này được thu thập từ kết quả khảo sát 113 DNNVV. Các phương pháp phân tích thống kê mô tả, phân tích hồi qui tuyến tính đa biến được sử dụng để phân tích thực trạng hoạt động của các doanh nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các DNNVV tại tỉnh Bạc Liêu. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNVV tại tỉnh Bạc Liêu được hình thành từ mối tương quan với các nhân tố như: tiếp cận chính sách hỗ trợ, kinh nghiệm của chủ doanh nghiệp, giới tính, trình độ học vấn, qui mô, mối quan hệ xã hội, tuổi doanh nghiệp và loại hình doanh nghiệp.

1 GIỚI THIỆU

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là khu vực kinh tế hết sức năng động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh. Hiện nay, việc nâng cao kỹ năng quản lý trong doanh nghiệp ngày càng được cải thiện nhiều hơn. Tại tỉnh Bạc Liêu, (DNNVV) đóng vai trò hết sức quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Đóng góp vào nguồn thu ngân sách của tỉnh với tỷ trọng khá lớn, giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho lao động trong tỉnh. Bên cạnh đó, DNNVV góp phần cho việc

nâng cao hệ thống thương mại, sản xuất và chế biến, tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa khai thác và huy động mọi nguồn lực trong tỉnh, từ đó tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh tác động tích cực đến nền kinh tế. Do đó, việc đẩy mạnh công tác hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh giúp cho DNNVV phát triển được xem là giải pháp tốt để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tính đến thời điểm thực hiện nghiên cứu, Bạc Liêu có hơn 970 DNNVV đang hoạt động, chiếm 98% trong tổng số các doanh nghiệp (Niên giám thống kê tỉnh

Bạc Liêu, 2013). Trong thời gian qua DNNVV có nhiều tiến triển hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, thực tế các DNNVV còn gặp nhiều khó khăn cũng như hạn chế về khả năng ứng dụng công nghệ, khả năng quản trị doanh nghiệp, việc tiếp cận được nguồn hỗ trợ từ chính sách Nhà nước và mặt bằng sản xuất,... Vì thế, bài viết này phân tích về thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2 TỔNG QUAN TÀI LIỆU

Trong những năm gần đây có nhiều nghiên cứu liên quan đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong đó có DNNVV. Nghiên cứu của Panco và Korn (1999), Hansen *et al.* (2002) chỉ ra rằng tuổi của doanh nghiệp hay số năm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thêm vào đó, nghiên cứu của Hansen *et al.* (2002), Kokko và Sjöholm (2004) đã chỉ ra rằng một trong số những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, nghiên cứu của Hansen *et al.* (2002), Khôi và *ctv.* (2008) cho thấy rằng chính sách hỗ trợ của Chính phủ và trình độ học vấn của

chủ doanh nghiệp có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu gần đây của Lộc và Trọng (2010) chỉ ra rằng loại hình doanh nghiệp, kinh nghiệm và trình độ của chủ doanh nghiệp cũng tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNVV. Nghiên cứu của Nam và Nghi (2011) cho thấy được một số nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, mối quan hệ xã hội, trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp và tốc độ tăng trưởng doanh thu là những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNVV. Ngoài ra, nghiên cứu của Ninh (2011) cũng chỉ ra rằng quy mô của doanh nghiệp có tác động đến ROS của DNNVV ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

3 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp thu thập từ các doanh nghiệp được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Ưu điểm của phương pháp là giúp giải quyết việc chia nhỏ tổng thể một cách thích hợp nhằm tạo điều kiện cho việc chọn mẫu dễ dàng, đại diện hơn, tăng tính chính xác cho kết quả khảo sát. Nhóm tác giả khảo sát thông tin từ 113 doanh nghiệp để thực hiện trong nghiên cứu.

Bảng 1: Cơ cấu lấy mẫu

Chỉ tiêu		Thương mại dịch vụ	Công nghiệp xây dựng Nông nghiệp thủy sản
Vừa và nhỏ	DNTN	30%	15%
	TNHH-CP	10%	5%
Qui Mô			
Siêu nhỏ	DNTN	20%	10%
	TNHH-CP	5%	5%
Tổng cộng	100%	65%	35%

3.2 Phương pháp phân tích

Ngoài những thông tin sơ cấp được phỏng vấn trực tiếp từ các chủ doanh nghiệp, nghiên cứu cũng sử dụng số liệu thứ cấp từ các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Các chỉ số tài chính được thu thập trong giai đoạn 3 năm (2010 - 2012). Do đó, để hạn chế sự chênh lệch về giá trị các chỉ số tài chính giữa các năm do sự biến động về kinh tế và chính trị, đồng thời tạo sự thuận lợi trong quá trình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, bài viết dựa trên cách tính bình quân 3 năm đối với các chỉ số tài chính để thực hiện trong mô hình nghiên cứu. Trên cơ sở đó, phương pháp

phân tích hồi qui tuyến tính đa biến được sử dụng để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các DNNVV tại tỉnh Bạc Liêu. Dựa trên các kết quả phân tích từ một số nhà nghiên cứu trước đây đã được đề cập trong phần tổng quan tài liệu, mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau:

$$ROS = \beta_0 + \beta_1 \text{GIOITINH} + \beta_2 \text{TDHV} + \beta_3 \text{KNGHIEM} + \beta_4 \text{QHXX} + \beta_5 \text{CSHOTRO} + \beta_6 \text{LOAIHINH} + \beta_7 \text{LINHVUC} + \beta_8 \text{QUIMO} + \beta_9 \text{TUOIDN} + \beta_{10} \text{TDTHU} + \epsilon \tag{1}$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc ROS (Return on Sales) là tỷ suất lợi nhuận/doanh thu của doanh nghiệp. Các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu bao gồm:

Biến GIOITINH là biến giả thể hiện giới tính của chủ doanh nghiệp (1 là nam và 0 là nữ). Ndoro (2012) cho thấy khi chủ doanh nghiệp là nam sẽ góp phần giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn nhờ tính năng động của nam giới trong việc tìm tòi và hoạch định các phương thức kinh doanh cũng như trong các mối quan hệ với các đoàn thể, hiệp hội, đối tác và khách hàng... Do đó, hệ số β_1 của biến GIOITINH được kỳ vọng là giá trị dương. Bên cạnh đó, Biến TDHV là trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp (là 1 nếu chủ doanh nghiệp có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên, là 0 đối với trường hợp khác). Theo Khôi và *ctv* (2008), Lộc và Trọng (2010), Nghi (2011) cho thấy trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp càng cao sẽ ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, thể hiện ở khả năng tiếp cận thông tin cũng như những tiến bộ khoa học trong kinh doanh, từ đó họ có sự lựa chọn và định hướng kế hoạch kinh doanh để hoạt động hiệu quả hơn. Do đó, hệ số β_2 của biến TDHV được kỳ vọng có giá trị dương. Một yếu tố không thể thiếu trong hoạt động doanh nghiệp đó là số năm làm quản lý của chủ doanh nghiệp hay kinh nghiệm (KNGHIEM) quản lý. Theo Lộc và Trọng (2010), nếu số năm làm quản lý càng nhiều thì khả năng xử lý những biến động về kinh tế cũng như những dự đoán về những biến động trong tương lai sẽ tốt hơn, từ đó góp phần giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn. Vì vậy, hệ số β_3 của biến KNGHIEM cũng được kỳ vọng có giá trị dương. Thêm vào đó, biến QHXX là mối quan hệ xã hội của chủ doanh nghiệp, có giá trị là 1 nếu chủ doanh nghiệp có người thân, bạn bè làm việc trong cơ quan Nhà nước, có giá trị là 0 cho trường hợp ngược lại. Nam và Nghi (2011) cho thấy doanh nghiệp có mối quan hệ xã hội tốt với các cơ quan Nhà nước hay các tổ chức tín dụng sẽ dễ dàng tiếp cận với các chính sách hỗ trợ từ chính quyền địa phương, nắm bắt được cơ hội phát triển doanh nghiệp tốt hơn. Do đó, hệ số β_4 cũng được kỳ vọng có giá trị dương. Trong giai đoạn biến động kinh tế như hiện nay, các doanh nghiệp cũng rất cần có được sự hỗ trợ từ các chính sách (CSHOTRO) của Nhà nước (là 1 nếu được hỗ trợ lãi suất, là 0 nếu ngược lại). Hansen *et al.* (2002), Khôi và *ctv.* (2008) cho thấy doanh nghiệp được hưởng các chính sách hỗ trợ sẽ có cơ hội phát triển hơn. Vì thế, hệ số β_5 cũng được kỳ vọng có giá trị dương.

Ngoài những yếu tố chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ chủ doanh nghiệp, các yếu tố về đặc điểm hoạt

động của doanh nghiệp cũng được xem xét và đưa vào mô hình nghiên cứu. Đầu tiên là biến LOAIHINH thể hiện loại hình hoạt động của doanh nghiệp (giá trị 1 đối với Doanh nghiệp tư nhân và giá trị 0 đối với Công ty TNHH, Công ty Cổ phần), Theo Lộc và Trọng (2010) cho thấy loại hình của doanh nghiệp ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Theo thực tế phân lớn các doanh nghiệp tư nhân đang hoạt động tại tỉnh Bạc Liêu vẫn còn hoạt động theo hình thức truyền thống gia đình nên còn hạn chế trong việc mở rộng qui mô hoạt động so với loại hình Công ty TNHH và Công ty Cổ phần. Do đó, hệ số β_6 được kỳ vọng có giá trị âm, tức là Công ty TNHH và Công ty Cổ phần được kỳ vọng hoạt động hiệu quả hơn DNTN. Bên cạnh đó, biến LINHVUC là lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (là 1 đối với Thương mại dịch vụ và là 0 đối với Công nghiệp xây dựng, Nông nghiệp thủy sản). Theo Nghi (2010) lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp cũng là yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Bạc Liêu đang hoạt động ở khá nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, phần lớn tập trung ở 3 lĩnh vực như Thương mại dịch vụ; Công nghiệp xây dựng và Nông nghiệp thủy sản. Qua khảo sát thực trạng hoạt động doanh nghiệp tại tỉnh Bạc Liêu cho thấy, đa số các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thương mại dịch vụ thường linh hoạt và có điều kiện phát triển hơn lĩnh vực khác. Do đó, hệ số β_7 được kỳ vọng có giá trị dương. Biến QUIMO thể hiện qui mô hoạt động của doanh nghiệp, nghiên cứu này áp dụng hình thức phân loại qui mô doanh nghiệp theo giá trị tài sản, đơn vị tính là triệu đồng. Theo Kokko và Sjöholm (2004), Ninh (2011) cho thấy qui mô của doanh nghiệp ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Hệ số β_8 được kỳ vọng có giá trị dương, tức là qui mô hoạt động của doanh nghiệp càng lớn thì hiệu quả hoạt động càng cao. Ngoài ra, biến TUOIDN là số năm hoạt động của doanh nghiệp cũng được đưa vào mô hình nghiên cứu, theo Panco và Korn (1999) doanh nghiệp hoạt động lâu năm hơn thì hoạt động có hiệu quả hơn. Do đó, hệ số β_9 được kỳ vọng có giá trị dương. Cuối cùng là biến TDTHU thể hiện tốc độ tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp, yếu tố này được xác định bằng (Doanh thu năm sau - Doanh thu năm trước)/Doanh thu năm trước. Theo Nam và Nghi (2011) tốc độ tăng doanh thu tác động thuận chiều đến hiệu quả hoạt động của DNNVV. Do đó, hệ số β_{10} cũng được kỳ vọng có giá trị dương trong mô hình nghiên cứu.

4 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1 Thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV thông qua mẫu điều tra

Tình hình hoạt động và phát triển của các DNNVV ở Bạc Liêu khá đa dạng về các ngành nghề kinh doanh, qui mô và loại hình hoạt động,... để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như thực trạng phát triển của DNNVV trong thời gian qua, tác giả đã tiến hành thu thập thông tin về các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu bằng phiếu điều tra với 34 tiêu chí. Tổng số DNNVV được điều tra là 113 doanh nghiệp trong tổng thể là 970 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. Thông tin ở Bảng 2 thể hiện thực trạng hoạt động của các DNNVV tại địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Bảng 2: Tần suất và tỷ lệ về các đặc điểm của DNNVV trong mẫu điều tra

Yếu tố	Chi tiết	Tần suất	Phần trăm
GIOITINH	Nam	87	76,99
	Nữ	26	23,01
TDHV	CĐ, ĐH trở lên	72	63,72
	Phổ thông trở xuống	41	36,28
QHXH	Có QHXH	36	31,86
	Không có QHXH	77	68,14
CSHOTRO	Không được hỗ trợ	86	76
	Được hỗ trợ	27	24
LOAIHINH	TNHH-CP	36	31,86
	DNTN	77	68,14
LINHVUC	CNXD-NNTS	42	37,17
	TM-DV	71	62,83
QUIMO	Siêu nhỏ	45	40
	Nhỏ và Vừa	68	60

Nguồn: Xử lý từ số liệu điều tra DNNVV tại Bạc Liêu, 2013

Đối với yếu tố giới tính chủ doanh nghiệp, trong tổng số DN được khảo sát có khoảng 23%

DN do nữ quản lý và khoảng 77% do nam quản lý, từ đó cho thấy có sự chênh lệch khá lớn về giới tính trong mẫu khảo sát tại địa bàn nghiên cứu. Về trình độ học vấn, có khoảng 64% chủ doanh nghiệp có trình độ cao đẳng - đại học trở lên, và khoảng 37% chủ DN có trình độ từ trung học phổ thông trở xuống. Nhìn chung, trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp trong mẫu nghiên cứu là khá cao, đây là nền tảng thuận lợi giúp doanh nghiệp đạt được hiệu quả quản lý cao hơn cũng như tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật và thông tin tốt hơn. Đối với mối quan hệ xã hội, có khoảng 32% DN có mối quan hệ xã hội (những DN có người thân hay bạn bè làm việc trong các hiệp hội, các tổ chức hay cơ quan Nhà nước), còn lại khoảng 68% DN không có mối quan hệ xã hội. Mối quan hệ xã hội cũng không kém phần quan trọng đối với doanh nghiệp vì nó có thể giúp cho DN được nhiều thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh. Về yếu tố chính sách hỗ trợ, có khoảng 24% DN nhận được hỗ trợ về lãi suất khi vay vốn từ Nhà nước và có đến 76% DN chưa nhận được sự hỗ trợ về lãi suất. Trong giai đoạn kinh tế khó khăn như hiện nay, các doanh nghiệp rất cần nhận được sự hỗ trợ lãi suất khi vay vốn từ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Đối với loại hình hoạt động, có khoảng 68% DN hoạt động với loại hình DNTN, còn lại 32% DN là công ty TNHH và công ty Cổ phần (TNHH-CP). Về lĩnh vực kinh doanh thì phần lớn các DN hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ (TM-DV) chiếm khoảng 63%, khoảng 37%, DN hoạt động trong lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng và Nông nghiệp - Thủy sản (CNXD-NNTS). Về qui mô hoạt động, dựa trên hình thức phân loại qui mô doanh nghiệp theo giá trị tài sản. Kết quả khảo sát, có khoảng 40% DN hoạt động với qui mô siêu nhỏ và khoảng 60% DN hoạt động với qui mô nhỏ và vừa.

Bảng 3: Thống kê về các đặc điểm của DNNVV trong mẫu điều tra

Tiêu Chí	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
TUOIDN	3	22	9,2389	4,7852
KNGHIEM	3	23	8,3717	4,4364
TDTHU	-0,4001	3,7694	0,2455	0,6329
QUIMO	352,5708	321177,8251	13092,4227	38505,2732
ROS	-0,1856	0,2702	0,0352	0,0612

Nguồn: Xử lý từ số liệu điều tra DNNVV tại Bạc Liêu, 2013

Theo kết quả từ Bảng 3 cho thấy, tuổi của các doanh nghiệp hay số năm hoạt động ở mức tương đối cao, với số năm hoạt động trung bình là 9 năm. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn thấp (4,78) chứng tỏ

không có sự chênh lệch cao trong số năm hoạt động của các doanh nghiệp ở tỉnh Bạc Liêu hay mức độ phân tán về số năm hoạt động của các DN tập trung hơn, cụ thể là doanh nghiệp lâu năm nhất

đã hoạt động được 22 năm và doanh nghiệp trẻ nhất là 3 năm. Do trong vài năm gần đây, Bạc Liêu đang trong đà phát triển và có những dự án thu hút đầu tư kết hợp các chính sách hỗ trợ DN, được nâng cấp cả về cơ sở hạ tầng và nhiều điều kiện khác, do đó các DN mới thành lập cũng ở mức tương đối thấp, vì vậy phần lớn các DN đang hoạt động là tồn tại lâu năm. Đối với yếu tố kinh nghiệm của chủ DN, với kinh nghiệm trung bình là 8,37 năm, chủ DN có kinh nghiệm ít nhất là 3 năm, nhiều nhất là 23 năm. Do độ lệch chuẩn ở mức tương đối thấp (4,44) điều này cho thấy không có sự chênh lệch nhiều về kinh nghiệm của các chủ DN ở Bạc Liêu.

Tốc độ tăng trưởng doanh thu của DN với mức trung bình là 25%, cao nhất là 377% và mức thấp nhất là -40%. Nhưng độ lệch chuẩn là (63%) cao hơn so với mức trung bình nên mức độ tăng doanh thu không tập trung đều ở các doanh nghiệp hay sẽ có những DN tăng trưởng doanh thu rất mạnh và ngược lại.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy qui mô doanh nghiệp (được tính theo giá trị tài sản) có mức trung bình là 13.092,42 (triệu đồng), cao nhất là 321.177,83 (triệu đồng) và thấp nhất là 352,57 (triệu đồng). Nhưng với độ lệch chuẩn khá cao là (38.505,27). Điều này cho thấy có sự chênh lệch cao về qui mô theo giá trị tài sản của các DN. Thêm vào đó, tỷ suất lợi nhuận trung bình của các DNNVV trong mẫu nghiên cứu đạt gần 4%, độ lệch chuẩn 6% là cao hơn mức trung bình, chứng

tỏ có sự chênh lệch đáng kể về tỷ suất lợi nhuận của các DNNVV, hay nói cách khác hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp là phân tán không đều ở các DN, cụ thể với mức thấp nhất là -0,19 và cao nhất là 0,27.

4.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của DNNVV

Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính như sau: (1) Mức ý nghĩa quan sát Sig. rất nhỏ (Sig. = 0,000) cho thấy mức độ an toàn bác bỏ giả thuyết Ho, có nghĩa là tồn tại mối quan hệ tuyến tính giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (đo lường bằng tỷ suất lợi nhuận ROS) với ít nhất một trong các yếu tố là biến độc lập, như vậy mô hình hồi qui tuyến tính được đưa ra phù hợp với dữ liệu; (2) Giá trị R²=0,49 có nghĩa là 49% sự biến động của hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể được giải thích từ mối tương quan tuyến tính giữa tỷ suất lợi nhuận của DNNVV ở tỉnh Bạc Liêu với các biến độc lập được đưa vào mô hình. Bên cạnh đó, hệ số R² hiệu chỉnh=0,44 có nghĩa là 44% sự thay đổi về hiệu quả hoạt động của DNNVV được giải thích bởi các biến độc lập đưa vào mô hình. Bên cạnh đó, độ phóng đại phương sai (VIF) của các biến trong mô hình nhỏ hơn nhiều so với 10 nên ta kết luận các biến đưa vào mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến (Nam, 2008). Ngoài ra, mô hình cũng kiểm định phương sai sai số thay đổi để hạn chế một số sai lệch trong kết quả nghiên cứu.

Bảng 4: Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính

Tiêu Chí	Hệ Số (B)	Std. Err.	Giá trị P	VIF
Hàng Số	0,006	0,018	0,751	
Loại Hình	-0,024	0,011	0,030**	1,25
Lĩnh Vực	-0,012	0,010	0,239	1,25
Chính Sách	0,052	0,013	0,000***	1,17
Môi QHXXH	0,020	0,009	0,038**	1,06
Kinh Nghiệm	0,003	0,001	0,050**	2,18
Giới Tính	0,019	0,010	0,070*	1,09
Tuổi DN	-0,002	0,001	0,054*	2,00
Học Vấn	0,021	0,008	0,012**	1,16
Tăng DT	0,007	0,009	0,433	1,12
Qui Mô	0,000	0,000	0,086*	1,18
Hệ số R ²		0,490		
Hệ số R ² hiệu chỉnh		0,440		
Prob > F		0,000		
Số quan sát		113		

Nguồn: Xử lý từ số liệu điều tra DNNVV tại Bạc Liêu, 2013

Ghi chú: ***, **, *, tương ứng mức ý nghĩa 1%,5%,10%

Trong số các yếu tố độc lập được đưa vào mô hình thì có 8 yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các DNNVV và thống kê ở mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%. Yếu tố Chính Sách (hình thức hỗ trợ của Nhà nước mà doanh nghiệp đã tiếp cận) tương quan có ý nghĩa với hiệu quả hoạt động kinh doanh (ROS) với mức ý nghĩa 1%. Bên cạnh đó, các yếu tố Loại Hình, Môi QHXX, Học Vấn, Kinh Nghiệm tương quan có ý nghĩa với ROS với mức ý nghĩa 5%. Còn lại 3 yếu tố: Tuổi DN, Qui Mô, Giới Tính tương quan có ý nghĩa với ROS với mức ý nghĩa 10%. Trong đó, Tuổi DN và Loại Hình doanh nghiệp tương quan nghịch chiều với ROS. Bên cạnh đó, các yếu tố “Kinh Nghiệm”, “Học Vấn”, “Môi QHXX”, “Qui Mô” của doanh nghiệp và “Giới Tính” của chủ doanh nghiệp đều có tương quan thuận chiều đến hiệu quả kinh doanh của DNNVV. Kết quả hồi qui cho thấy, yếu tố “Chính Sách” có hệ số tác động (0,052) đây cũng là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất trong các yếu tố đưa vào mô hình nghiên cứu, tương quan thuận đến hiệu quả hoạt động của DNNVV.

Kết quả nghiên cứu ở đây cho thấy yếu tố qui mô ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, kết quả này tương đồng với kết quả của một số nghiên cứu trước đây như Kokko và Sjöholm (2004), Hansen *et al.* (2002) và Ninh (2011). Bên cạnh đó, nghiên cứu còn tương đồng với kết quả của Hansen *et al.* (2002), Khôi và *ctv* (2008) về chính sách hỗ trợ của Chính phủ và trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV. Mỗi quan hệ xã hội ảnh hưởng đến ROS tương đồng với Nam và Nghi (2011), còn sự tác động của kinh nghiệm đến ROS tương đồng với kết quả của Lộc và Trọng (2010).

5 KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của DNNVV ở Bạc Liêu bao gồm: Chính sách hỗ trợ, kinh nghiệm của chủ doanh nghiệp, trình độ học vấn của chủ doanh nghiệp, mối quan hệ xã hội, giới tính, tuổi của doanh nghiệp (số năm hoạt động), qui mô hoạt động và loại hình hoạt động của doanh nghiệp. Trong đó, yếu tố loại hình hoạt động và tuổi của doanh nghiệp có mối tương quan nghịch với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (ROS), các yếu tố còn lại tương quan thuận với ROS. Kết quả nghiên cứu giúp doanh nghiệp dễ dàng định hướng về tình hình hoạt động nhằm tìm ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mình. Đồng thời, kết quả nghiên

cứ cũng giúp nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm giúp các DNNVV đang hoạt động tại tỉnh Bạc Liêu có thể nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp, đặc biệt là trong giai đoạn khó khăn như hiện nay.

Từ kết quả phân tích trên, để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu cần có những giải pháp như sau: khai thác triệt để các chính sách hỗ trợ từ Nhà nước, sử dụng tốt thế mạnh về kinh nghiệm quản lý để điều hành tốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp, các doanh nghiệp cần mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh và đối với bản thân chủ doanh nghiệp cần học tập nhiều hơn, cũng như tham gia các lớp tập huấn nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn.

Thông qua kết quả nghiên cứu, tác giả kỳ vọng các sở ban ngành có liên quan giúp hỗ trợ doanh nghiệp. Từ đó các doanh nghiệp sớm triển khai các kế hoạch và có các giải pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho các DNNVV ở Bạc Liêu giúp cho phát triển tốt hơn, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ari Kokko và Fredrik Sjöholm (2004), The internationalization of Vietnamese SMEs, Stockholm School of Economics, Asian Economic Papers, Vol.4, No.1.
2. Girlie Nodoro (2012). Executive compensation and firm performance: evidence from the UK charities. A Thesis Submitted to the University of Nottingham for the Degree of Doctor of Philosophy.
3. Henrik Hansen, John Rand và Finn Tar (2002), SME Growth and Survival in Vietnam: Did Direct Government Support Matter?
4. Phan Đình Khôi, Trương Đông Lộc, Võ Thành Danh (2008), Tổng quan về kinh tế tư nhân ở Đồng bằng sông Cửu Long. NXB Giáo Dục.
5. Trương Đông Lộc và Nguyễn Đức Trọng (2010): “Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DNVVN Đồng bằng sông Cửu Long”. Tạp chí công nghệ ngân hàng số 50 tháng 5/2010.
6. Mai Văn Nam (2008), Kinh tế lượng (Econometrics), Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.
7. Mai Văn Nam và Nguyễn Quốc Nghi (2011), “Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Thành phố Cần Thơ”,

- Tạp chí Khoa học 2011:19b 122-129,
Trường Đại học Cần Thơ.
8. Nguyễn Quốc Nghi (2010), “Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn tín dụng hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở thành phố Cần Thơ”, tạp chí công nghệ ngân hàng 12/2010 số 57 .
 9. Niên giám thống kê Bạc Liêu, 2013. Doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể năm năm (2008-2012).
 10. Lê Khương Ninh (2011).“ Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long”. Tạp chí công nghệ ngân hàng 10/2011 số 67.
 11. Robert Panco và Helaine J.Korn, (1999), Understanding Factors of Organizational Mortality: Considering Alternatives to Firm Failure, Có thể xem tại <http://www.eaom.org>.